TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/DS-PT
Ngày 23-4-2020
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Sơn;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Minh Thùy;

Ông Hồ Đức Châm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Phương Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lăng Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2020/TLPT-DS ngày 10 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời cây trên đất và yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2019/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 35/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lục Hữu D (Lục Hồng D), sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Mông Văn H, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Văn H luật sư văn phòng luật sư H và cộng sự-Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1995

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt, do bị đơn ông Mông Văn H không tiếp tục thực hiện việc ủy quyền cho bà L.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lục Thị N (Vợ ông Mông Văn H); trú tại Thôn G, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1970; có mặt

3. Chị Lục Thị M, sinh năm: 1996; vắng mặt

4. Anh Lục Văn H, sinh năm 1996; vắng mặt

5. Anh Lục Văn V, sinh năm 200; vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

6. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn (UBND huyện H).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ H – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Theo giấy ủy quyền số: 975[a]/GUQ-UBND, ngày 01/10/2019; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Giang Thanh T, sinh năm 1951. Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

2. Bà Mông Thị C, sinh năm 1957. Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

3. Bà Lục Thị L, sinh năm 1953. Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt;

4. Ông Lục Đức H, sinh năm 1963. Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người kháng cáo: Ông Mông Văn H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Lục Hữu D (Lục Hồng D) trình bày: Gia đình ông có khu đất vườn trồng hoa màu, cây ăn quả lâu năm và diện tích đất ao thuộc Thôn G, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AA-479826; thửa số 310; diện tích sử dụng 1.343,7m^2; thửa số 62, diện tích 834,5m^2; cùng tờ bản đồ địa chính số: 31 đã được UBND huyện H cấp ngày 30/9/2004 mang tên hộ ông Lục Hồng D. Gia đình ông vẫn canh tác ổn định, sử dụng thường xuyên. Ngày 25/12/2017, ông Mông Văn H xúi giục thêm người khác cộng tác cùng nhau đến tranh chấp lấn chiếm khu đất, diện tích tranh chấp là 352m^2, trị giá diện tích đất tranh chấp khoảng 60.000.000đ.

Nguồn gốc thửa đất do cha mẹ ông là Lục Trung S và Trương Thị C khai phá canh tác từ năm 1961. Đến năm 1964 đã cải tạo thành một phần ao thả cá, những năm đầu trồng hoa màu như: Bí xanh, ngô, sắn. Đến năm 1974, bà Giang Thanh T là giáo viên thực tập trường cấp II cũ có làm nhờ một ít góc bãi của

khu đất vườn ở giáp nhà trường cấp II cũ. Đến năm 1978 nhà trường giải tán chuyển vào khu thôn Ao Kh, xã T thì gia đình tiếp tục quản lý toàn bộ diện tích khu đất. Trong quá trình canh tác gia đình ông đã san lấp đất phần ao cá thành mặt bằng và đã trồng xoài, vải thiều, nhãn, mít, bưởi, na, đu đủ và các hoa màu khác hiện vẫn còn, không có xảy ra tranh chấp gì với ai. Gia đình ông Hợp không canh tác đất ngày nào và cũng không có tài sản gì trên phần đất đang tranh chấp. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Mông Văn H phải chấm dứt ngay việc lấn chiếm tranh chấp quyền sử dụng đất của gia đình ông với tổng diện tích là 352m^2, cụ thể là tại thửa số 310 diện tích 314m^2, thửa đất số 62 diện tích 38m^2, công nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông đã được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/9/2004 mang tên hộ ông Lục Hồng D và công nhận quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên đất tranh chấp cho gia đình ông.

Bị đơn ông Mông Văn H và người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị L trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lục Hữu D yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp là 352m^2 thuộc thửa đất số 310 và thửa số 62, tờ bản đồ địa chính số 31 xã T. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Lục Hữu D, vì diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc do chị gái ruột của ông là bà Mông Thị L, sinh năm 1956, địa chỉ thôn Cây S, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn cùng bố mẹ khai phá canh tác từ năm 1970, gia đình ông trồng cây chè, trồng đỗ, trồng sắn, khoảng năm 1982, 1983 gia đình ông cho bà Giang Thanh T, trú tại thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn mượn trồng rau, trồng đỗ, việc cho mượn chỉ bằng miệng, không có giấy tờ gốc, tại phiên tòa ông trình bày gia đình cho bà T mượn đất vào năm 1972. Khoảng năm 1993, 1994 ông Lục Hữu D mang cây vải thiều trồng vào diện tích đất tranh chấp, hiện nay còn một vài cây (Không rõ cụ thể là bao nhiêu cây). Khi ông D trồng cây vải ông có phản đối, ông D cho rằng đất của bà Giang Thanh T canh tác là của ông, ông không mời cơ quan có thẩm quyền đến lập biên bản. Từ khi ông D trồng cây vải thiều thì bà T và gia đình ông không canh tác từ đó đến nay. Ông không biết đất tranh chấp đã được cấp giấy quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Lục Hữu D. Đến năm 2015 sảy ra tranh chấp, ông mới biết ông D đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2004. Từ khi khai phá gia đình ông chưa đi kê khai để cấp giấy chứng nhần quyền sử dụng đất lần nào. Sau năm 1993, 1994 khi ông D trồng cây vải thiều ông có mời trưởng thôn là ông Phùng Văn C đến giải quyết nhưng không thành và không lập biên bản gì. Năm 2003, 2004 gia đình ông cũng kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất ở, đất vườn ở các vị trí khác tại Thôn G, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Ông không kê khai đối với diện tích đất đang tranh chấp do tại thời điểm đó ông không canh tác.

Ông không có một loại giấy tờ gì chứng minh đất tranh chấp thuộc quyền quản lý sử dụng của ông, tài sản trên đất tranh chấp là của gia đình ông D, gia đình ông không có tài sản gì.

Ông yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp là 352m^2, buộc ông D di dời tài sản trên đất để trả lại đất cho ông và yêu cầu xem xét hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lục Hữu D đối với phần diện tích đất tranh chấp tại thửa số 310 diện tích 314 m^2, thửa số 62 diện tích 38 m^2, tờ bản đồ địa chính số 31 xã T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị N, chị Lục Thị M, anh Lục Văn H và anh Lục Văn V trình bày: Đều nhất trí với phần trình bày của ông Lục Hữu D.

Đại diện UBND huyện H ông Vũ H trình bày:

Qua kiểm tra, xác minh hồ sơ vụ việc, căn cứ hồ sơ lưu tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện H thì nguồn gốc, quá trình sử dụng đất diện tích đất tranh chấp do bố mẹ ông Lục Hữu D sử dụng để trồng màu từ lâu. Đến khoảng năm 1980, ông Lục Hữu D được bố mẹ chia cho để tiếp tục sử dụng cho đến nay. Hiện trạng, gia đình ông D đang trồng cây lâu năm như: Vải thiều, na, bưởi, mít, nhãn…. Thời điểm hộ ông D trồng cây lâu năm từ năm 1993, 1994 cho đến nay vẫn còn trên khu đất.

Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tranh chấp thửa đất số 310 và thửa đất số 62, tờ bản đồ địa chính số 31 xã T đo đạc năm 2002, đã được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 479826 ngày 30/9/2004 cho hộ ông Lục Hữu D, cụ thể: Thửa đất sô 310 diện tích 1343,7 m^2, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, thửa đất số 62 diện tích 834,5 m^2, mục đích sử dụng là đất nuôi trồng thủy sản (Trong đó đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất bao gồm cả phần diện tích đất tranh chấp 352 m^2 gồm 314 m^2 thuộc thửa đất sô 310 và 38 m^2 thuộc thửa đất số 62, tờ bản đồ địa chính số 31).

Quá trình thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Năm 2002, xã T đo đạc bản đồ địa chính và thực hiện dự án cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản đồ địa chính. Các hộ dân xã T thực hiện việc kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có hộ ông Lục Hữu D. Ngày 14/9/2004 ông D có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được UBND xã T xác nhận ngày 15/9/2004. Sau khi công tác kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoàn thiện Hội đồng đăng ký đất đai họp xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất công khai. Các trường hợp đủ điều kiện đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định, trong đó có hộ ông Lục Hữu D. Ngày 30/9/2004, UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sô AA 479826 mang tên hộ ông Lục Hồng D theo Quyết định 303/QĐ-UBND ngày 30/9/2004 của UBND huyện H đối với thửa đất số 310, diện tích 1341,7 m^2; thửa đất số 62, diện tích 834.5 m^2, tờ bản đồ địa chính số 31 và các thửa đất được cấp cùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa 55, 25, 98 tờ bản đồ địa chính số 31; thửa 42, 55, 48 tờ bản đồ số 38; thửa đất 392, tờ bản đồ địa chính 5 xã Tân Thành cho hộ ông Lục Hữu D đảm bảo đúng trình tự quy định của pháp luật.

Về quy hoạch kế hoạch sử dụng đất: Căn cứ theo quy định 2125/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện H, tỉnh lạng Sơn; Quyết định số 2771/QĐ-UBND ngày 28/12/2008 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện H, tỉnh Lạng Sơn thì vị trí của thửa đất 310 và 62 tờ bản đồ địa chính số 31 được quy hoạch là đất ở nông thôn.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ xác định diện tích đất có tranh chấp có tổng diện tích là 352m^2, trong đó có 314m2 đất vườn, thuộc thửa đất 310 và 38m2 đất nuôi trồng thủy sản, thuộc thửa đất số 62, cùng tờ bản đồ địa chính số 31 xã T, đất tọa tại Thôn G, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Đất đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số AA 479826 ngày 30/9/2004 cho hộ ông Lục Hồng D, đất có các phía tiếp giáp và cạnh dài như sau:

Phần đất tranh chấp tại thửa số 310, diện tích là 314m^2, có các phía tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đất ông Lục Hữu D, có cạnh dài 3,41m + 5,18 m = 8,59m; phía Đông giáp đường bê tông xã, có cạnh dài 11,58 m + 9,77 m = 21,35m; phía Nam giáp đất ông Lê Văn V (Đã chết), có cạnh dài 8,22 m + 8,81 m = 17,03m; phía Tây giáp phần đất tranh chấp còn lại, có cạnh dài 25,64m;

Phần đất tranh chấp thuộc thửa 62, tờ bản đồ số 31 xã Tân Thành, có diện tích 38 m^2, có các phía tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp phần đất tranh chấp thuộc thửa đất số 310 (356), có cạnh dài 25,64m; phía Nam giáp đất ông Lục Hữu D, có cạnh dài 3,0 m; phía Tây giáp đất ông Lục Hữu D, có cạnh dài 25,76 m; không có phía Bắc do thửa đất có hình tam giác.

Tài sản trên đất gồm có: Cây sắn 15 m^2; khoai lang: 10 m^2; 03 cây bưởi mới trồng; 03 cây đu đủ mới trồng chưa ra hoa; 15 cây na mới trồng d <2cm; 01 cây mít mới trồng d >2cm; 01 cây nhãn d >10cm – 15 cm; 07 cây vải thiều trồng năm 1994 d >20cm – 30cm; 06 cây vải thiều trồng năm 1994 d > 10cm - 15 cm

Giá trị tài sản trên đất tranh chấp tại thời điểm định giá: Tổng giá trị tài sản trên đất là 17.802.500đ. Tổng giá trị đất và các tài sản trên đất là 405.002.500đ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2019/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, xử: Căn cứ Điều 164, 166, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; Căn cứ Điều 100, khoản 2 Điều 105 và các Điều 166, 170, 203 Luật đất đai; Căn cứ khoản 9, 14 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 227, 228, Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 của UBTVQH quy định về án phí lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lục Hữu D (Lục Hồng D) yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp là 352m^2 , trong đó đất thuộc thửa số 310 diện tích 314m2; thửa số 62 diện tích 38m2 cùng tờ bản đồ

địa chính số 31 xã T đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 479826, ngày 30/9/2004. Đất có các phía tiếp giáp như sau:

Phần đất tranh chấp tại thửa số 310, diện tích là 314m2: Phía Bắc giáp đất ông Lục Hữu D, có cạnh dài 3,41m + 5,18 m = 8,59m; Phía Đông giáp đường bê tông xã, có cạnh dài 11,58 m + 9,77 m = 21,35 m; Phía Nam giáp đất ông Lê Văn V có cạnh dài 8,22 m + 8,81 m = 17,03 m; Phía Tây giáp phần đất tranh chấp còn lại, có cạnh dài 25,64 m

Phần đất tranh chấp thuộc thửa 62, diện tích 38m^2, tờ bản đồ địa chính số 31 xã Tân Thành, có các phía tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp phần đất tranh chấp thuộc thửa đất số 310, có cạnh dài 25,64m; Phía Nam giáp đất ông Lục Hữu D, có cạnh dài 3,0 m; Phía Tây giáp đất ông Lục Hữu D, có cạnh dài 25,76 m; Không có phía Bắc do thửa đất có hình tam giác. (Có sơ đồ trích đo thửa đất kèm theo)

2. Về tài sản trên đất tranh chấp:

Chấp nhận yêu cầu của ông Lục Hữu D yêu cầu được sở hữu tài sản trên đất gồm: 15m^2 sắn; 10m^2 khoai lang; 03 cây bưởi mới trồng; 03 cây đu đủ; 15 cây na mới trồng; 01 cây mít mới trồng; 01 cây nhãn; 13 cây vải thiều trồng năm 1994.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Mông Văn H về việc yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp 352m^2 tại thửa đất số 310 và thửa số 62 cùng tờ bản đồ địa chính số 31 xã T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lục Hồng D; yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Lục Hồng D (Lục Hữu D) thửa số 310 diện tích đất 314m^2, thửa số 62 diện tích 38 m^2 cùng tờ bản đồ địa chính số 31 xã T và buộc ông D di dời toàn bộ tài sản trên diện tích đất tranh chấp vì không có căn cứ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Mông Văn H kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Xem xét đánh giá tính hợp pháp của toàn bộ các chứng cứ, tài liệu có liên quan đến vụ án; nếu Bản án có sai phạm thì đề nghị hủy Bản án sơ thẩm ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Mông Văn H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật;

Về nội dung: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Mông Văn H không có căn cứ để chấp nhận, vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu

kháng cáo của ông Mông Văn H xử giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nói trên.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo của ông Mông Văn H đề nghị xem xét đánh giá tính hợp pháp của toàn bộ các chứng cứ, tài liệu có liên quan đến vụ án; nếu Bản án có sai phạm thì đề nghị hủy Bản án sơ thẩm ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xác định diện tích đất tranh chấp nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 479826, ngày 30/9/2004 mang tên ông Lục Hồng D (Lục Hữu D). Tổng diện tích đất tranh chấp là 352m^2, trong đó có 314m^2 đất vườn thuộc thửa đất số 310 và 38m^2 đất nuôi trồng thủy sản thuộc thửa đất 62, tờ bản đồ địa chính số 31 xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Các tài sản trên diện tích đất tranh chấp gồm có: 15m^2 sắn; 10m^2 khoai lang; 03 cây bưởi mới trồng; 03 cây đu đủ; 15 cây na mới trồng; 01 cây mít mới trồng; 01 cây nhãn; 13 cây vải thiều trồng năm 1994 đều do gia đình ông Lục Hữu Dtrồng, điều này phía ông Mông Văn H cũng thừa nhận gia đình ông Mông Văn H không trồng bất cứ loại cây nào và không có tài sản gì trên phần đất đang có tranh chấp. Lời khai của các đương sự cũng phù hợp với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ.

[4] Về nguồn gốc đất tranh chấp: Nguyên đơn ông Lục Hữu D cho rằng đất do bố mẹ ông khai phá sử dụng từ năm 1961 nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh; bị đơn ông Mông Văn H cũng cho rằng đất tranh chấp có nguồn gốc là do bố là ông Mông Văn P, chị gái là bà Mông Thị C cùng khai phá sử dụng từ năm 1970, nhưng cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh.

[5] Về quá trình sử dụng đất: Nguyên đơn ông Lục Hữu D cho rằng ông có cho bà Giang Thanh T mượn đất để sử dụng trồng rau vào khoảng năm 1982, 1983 đến năm 1994 thì gia đình ông lấy lại đất rồi trồng vải thiều và sử dụng liên tục đến nay, hiện các cây vải thiều vẫn còn. Đối với bị đơn ông Mông Văn H cho rằng gia đình đã canh tác, sử dụng diện tích đất tranh chấp từ năm 1970 đến năm 1982, 1983 thì cho bà Giang Thanh T mượn đất canh tác, đến năm 1993, 1994 ông Lục Hữu D lấn chiếm trồng vải thiều trên diện tích bà Giang Thanh T mượn canh tác, thì từ đó bà Giang Thanh T bỏ và gia đình ông Lục Hữu D chiếm giữ, canh tác toàn bộ diện tích đất đến nay; người làm chứng bà Giang Thanh T trình bày tại phiên tòa bà được canh tác, sử dụng từ năm 1972 đến năm 1993, 1994 thấy gia đình ông Lục Hữu D trồng vải thiều tại vị trí đất bà đang canh tác, từ đó bà không canh tác nữa. Tuy nhiên, bà Giang Thanh T không trực tiếp đi mượn đất mà người đi mượn đất là ông Q thay mặt Ban giám hiệu nhà trường đi hỏi ông Mông Văn P là bố ông Mông Văn H; bà Mông Văn

C trình bày bà được cùng gia đình canh tác, sử dụng trên đất tranh chấp năm 1971, đến năm 1978 bà đi lấy chồng từ đó bà không canh tác nữa thì ông Mông Văn H quản lý sử dụng như thế nào bà không rõ. Như vậy, lời khai của ông Mông Văn H, bà Mông Thị C và bà Giang Thanh T trình bày có sự mâu thuẫn, vì vậy không có căn cứ để chấp nhận; năm 1994 khi ông Lục Hữu D trồng các cây ăn quả thì không ai có ý kiến gì phản đối.

[6] Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Quá trình quản lý, sử dụng đất gia đình ông Lục Hữu D đã trồng vải thiều và canh tác, sử dụng liên tục từ năm 1994 và diện tích đất tranh chấp đã được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 749826, ngày 30/9/2004 cho hộ ông Lục Hồng D tại thửa số 310 diện tích 1.343,7m^2 và thửa số 62 diện tích 834,5m^2, cùng tờ bản đồ số 31 xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Tuy nhiên, qua kiểm tra hồ sơ địa chính và ý kiến của UBND huyện H cho thấy: Thửa đất số 310 và thửa đất số 62, tờ bản đồ địa chính số 31 xã T đo đạc năm 2002, đã được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 479826 ngày 30/9/2004 cho hộ ông Lục Hồng D, cụ thể: Thửa đất sô 310 diện tích 1343,7 m^2, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, thửa đất số 62 diện tích 834,5 m^2, mục đích sử dụng là đất nuôi trồng thủy sản (Trong đó đã bao gồm cả phần diện tích đất tranh chấp 352 m^2 gồm 314 m^2 thuộc thửa đất sô 310 và 38 m^2 thuộc thửa đất số 62, tờ bản đồ địa chính số 31).

[7] Quá trình thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Năm 2002, xã T đo đạc bản đồ địa chính và thực hiện dự án cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản đồ địa chính. Các hộ dân xã T thực hiện việc kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có hộ ông Lục Hồng D. Sau khi công tác kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoàn thiện Hội đồng đăng ký đất đai họp xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất công khai. Các trường hợp đủ điều kiện đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định, trong đó có hộ ông Lục Hữu D.

[8] Xác minh các tài liệu, chứng cứ thấy rằng việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lục Hồng D (Lục Hữu D) đã đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Khi cấp đất cho hộ ông Lục Hồng D là thực hiện đợt cấp đổi đồng loạt của cả xã theo dự án của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn, việc cấp đất có thực hiện niêm yết công khai tại các thôn và xã. Do đó, các đương sự đều phải biết về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có ý kiến đối với diện tích đất có tranh chấp. Cùng thời điểm ông Mông Văn H cũng làm thủ tục kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa đất khác cùng đợt cấp với ông Lục Hữu D nhưng ông Mông Văn H không có khiếu nại gì về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất hiện đang có tranh chấp với ông Lục Hữu D.

[9] Về tài sản trên đất: Trên diện tích đất tranh chấp 352m2 có các tài sản gồm: 15m^2 sắn; 10m^2 khoai lang; 03 cây bưởi mới trồng; 03 cây đu đủ; 15 cây na mới trồng; 01 cây mít mới trồng; 01 cây nhãn; 13 cây vải thiều trồng năm 1994 do gia đình ông Lục Hữu D trồng. Thấy rằng, toàn bộ cây ăn quả và hoa màu đều nằm trên diện tích đất ông D được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất tại thửa số 310 và thửa số 62 cùng tờ bản đồ 31 xã T, ông Mông Văn H cũng thừa nhận toàn bộ tài sản trên diện tích đất đang tranh chấp là của gia đình ông Lục Hữu D, nên ông Lục Hữu D yêu cầu được sở hữu toàn bộ tài sản trên diện tích đất đang tranh chấp là có căn cứ.

[10] Quá trình giải quyết vụ án, tại công văn số 223/UBND-TNMT ngày 23/3/2020 của UBND huyện H, tỉnh Lạng Sơn, cho thấy: Trong diện tích đất tranh chấp có đất 116m^2 đất thuộc hàng lang bảo vệ an toàn công trình đường ĐH 96, diện tích nêu trên nằm trong tổng diện tích hộ ông Lục Hữu D được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 479826 ngày 30/9/2004, do đó hộ ông Lục Hữu D được tiếp tục sử dụng theo quy định tại khoản 4 Điều 43 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 nhưng khi tuyên án, cấp sơ thẩm chưa ghi vào phần quyết định của Bản án là thiếu sót. Do vậy, cấp phúc thẩm cần bổ sung thêm vào phần quyết định của bản án.

[11] Với những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp chận yêu cầu kháng cáo của ông Mông Văn H, cần xử giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Lạng Sơn là phù hợp.

[12] Về nghĩa vụ chịu án phí: Do kháng cáo của ông Mông Văn H không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm.

[13] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; Căn cứ Điều 164, 166, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; Căn cứ Điều 100, khoản 2 Điều 105 và các Điều 166, 170, 203 Luật đất đai; Căn cứ khoản 9, 14 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 227, 228, Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 của UBTVQH quy định về án phí lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Mông Văn H, xử giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lục Hữu D (Lục Hồng D) yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp là 352m^2, trong đó đất thuộc thửa số 310 diện tích 314m2; thửa số 62 diện tích 38m2 cùng tờ bản đồ địa chính số 31 xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 479826, ngày 30/9/2004. Đất có các phía tiếp giáp như sau:

Phần đất tranh chấp tại thửa số 310, diện tích là 314m2: Phía Bắc giáp đất ông Lục Hữu D, có cạnh dài 3,41m + 5,18 m = 8,59m; Phía Đông giáp đường bê tông xã, có cạnh dài 11,58 m + 9,77 m = 21,35 m; Phía Nam giáp đất ông Lê Văn V có cạnh dài 8,22 m + 8,81 m = 17,03 m; Phía Tây giáp phần đất

tranh chấp còn lại, có cạnh dài 25,64 m, (Trong đó có 116m^2 đất thuộc hàng lang bảo vệ an toàn công trình đường ĐH 96). (Có sơ đồ trích đo thửa đất kèm theo)

Phần đất tranh chấp thuộc thửa 62, diện tích 38m^2, tờ bản đồ địa chính số 31 xã Tân Thành, có các phía tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp phần đất tranh chấp thuộc thửa đất số 310, có cạnh dài 25,64m; Phía Nam giáp đất ông Lục Hữu D, có cạnh dài 3,0 m; Phía Tây giáp đất ông Lục Hữu D, có cạnh dài 25,76 m; Không có phía Bắc do thửa đất có hình tam giác. (Có sơ đồ trích đo thửa đất kèm theo)

2. Về tài sản trên đất tranh chấp:

Chấp nhận yêu cầu của ông Lục Hữu D (Lục Hồng D) được sở hữu tài sản trên diện tích đất tranh chấp 352m^2 tại thửa đất số 310 và thửa số 62 cùng tờ bản đồ địa chính số 31 xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn gồm: 15m^2 sắn; 10m^2 khoai lang; 03 cây bưởi mới trồng; 03 cây đu đủ; 15 cây na mới trồng; 01 cây mít mới trồng; 01 cây nhãn; 13 cây vải thiều trồng năm 1994.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Mông Văn H về việc yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp 352m^2 tại thửa đất số 310 và thửa số 62 cùng tờ bản đồ địa chính số 31 xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lục Hồng D; yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Lục Hồng D (Lục Hữu D) thửa số 310 diện tích đất 314m^2, thửa số 62 diện tích 38 m^2 cùng tờ bản đồ địa chính số 31 xã T và buộc ông Lục Hồng D di dời toàn bộ tài sản trên diện tích đất tranh chấp vì không có căn cứ.

4. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản:

Bị đơn ông Mông Văn H phải chịu toàn bộ chi phí đi xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 22/8/2019 là 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Xác nhận ông Lục Hữu D đã nộp tạm ứng và chi số tiền là 3.000.000đ (ba triệu đồng). Buộc ông Mông Văn H có trách nhiệm thanh toán cho ông Lục Hữu D số tiền là 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự

5. Về án phí:

5.1. Án phí sơ thẩm: Ông Mông Văn H phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ để sung quỹ Nhà nước.

Hoàn trả lại cho ông Lục Hữu D số tiền 1.500.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số AA/2016/0000016 ngày 23/5/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Mông Văn H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận ông Mông Văn H đã nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo

Biên lai thu số AA/2016/0000171 ngày 18 tháng 12 năm 2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Tổ HCTP; Phòng KTNV&THA;
- TAND h. Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- CC THADS h. H, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Sơn